QUYỂN 27

Thân thọ tâm pháp đều không tự tính, hoàn toàn bất khả đắc là tứ niệm xứ. Quán các pháp thiện, bất thiện đều từ tâm hoá sinh là tứ chánh cần. Tâm tính linh thông ẩn hiện tự tại là tứ thần túc. Lòng tin bền chắc trong sáng như hư không là ngũ căn, ngũ lực. Giác tâm chẳng khởi là thất giác chi. Thấu rõ tâm tính, tà chính không liên can là bát chính đạo. Từ nhãn như đến ý như, tâm cảnh hư dung là lục thần thông. Do đó Xá-lợi-phất không đạt thường tịch tam-muội, Mục-liên không hiện thần thông hiện tiền thì không thể thuyết pháp là vì chưa được pháp không thần thông.

Thai giáo nói: Quán nơi một tâm chợt có tất cả tâm, quán tất cả tâm chợt không có tâm. Tâm không có hữu vô thì thông đạt thật tướng ấy là thần thông.

Nghĩa Hải ghi: Nghĩa là trần này vô thể, chẳng động trần xứ, hằng ở khắp mười phương vô biên cõi nước, không có tướng đến đi, đây là thần túc thông. Chẳng rời chỗ ngồi mà đi khắp mười phương, lại thấy pháp giới vô biên như vi trần không ranh giới mà có giáo nghĩa lý sự, tất cả Bồ-tát đều chứng nhập, đều tu tập pháp này không còn con đường nào khác, đây là tha tâm thông. Thấy pháp giới vô biên lúc hạnh giải hiện tiền liền biết trong quá khứ từng ở trước Phật nghe pháp này; nhờ hằng quán tâm nên ngày nay được biết rõ, đây là túc mạng thông. Lại thấy trần tính không tịch, không có tướng để được là thấy không hai. Nếu có tướng là thấy hai, vì không có tướng thì không có hai đây là thiên nhãn thông. Kinh nói: "Không thấy hai tướng gọi là thiên nhãn thật". Lại rõ trần vô sinh vô tính không tịch là không khởi tâm chấp trước, đây là lậu tận thông. Kinh nói: "Đoạn kết không tâm ngã thì không có sinh". Lại nghe nói âm thanh trần pháp giới sai biệt liền biết tất cả âm thanh toàn là tai không còn nghe gì nữa. Song cái nghe này không duyên không được. Nơi âm thanh tỏ ngộ tất cả pháp là thường nghe tất cả Phật pháp, đây là thiên nhĩ thông.

Kinh Kim cương Tam-muội ghi: "Bồ-tát Đại Lực hỏi thế nào là gìn ba giữ một vào Như Lai thiền ? Phật dạy: Gìn ba là gìn ba môn giải thoát; giữ một là giữ nhất tâm; vào Như Lai thiền là lý quán tâm như vào thật tế".

Kinh Hoa Nghiêm có bài tụng:

Phật tử trụ nơi đây,
Niệm niệm vào tam-muội.
Mỗi một môn tam-muội,
Nói về cảnh chư Phật.

Bài tựa của Thiền kinh nói chất nhẹ thì thế mạnh, chất nặng thì thế yếu, như tính chất đất nặng nên thế lực không bằng nước, tính chất nước nặng nên thế lực không bằng lửa, lửa chẳng bằng gió, gió chẳng bằng tâm, vì tâm vô hình nên sức mãnh liệt hơn hết. Thần thông biến hoá nhập bất tư nghì là sức của tâm.

Lại năng sở dung thông, tự tha nhất thể là tứ nhiếp pháp. Chẳng được thân khẩu ý, thường thực hành theo trí tuệ là thập bát bất cộng pháp. Cuối cùng đắc quả thọ ký đều không lìa nhất tâm.

Như *kinh Hải Long Vương* ghi: "Tâm tịnh vô cấu là được thọ ký... đức Phật bảo Long Vương: Tâm ý thức không chỗ trụ là được thọ ký".

Như thế các pháp vì không nhân duyên nên vốn chân thật, biết rõ các pháp bình đẳng không sai biệt thì thành tựu đạo chính chân vô thượng, rốt ráo tìm được gốc, không có thọ ký và thành đạo như người đã được thọ ký. Vì sao ? Các pháp vô hình gốc ngọn đều dứt, không có chủ tể. Tất cả các pháp từ nhân duyên biến chuyển, cho đến các pháp không hai, vì tác dụng và bản thể là một. Bản thể các pháp là một vì lìa tất cả. Cho đến vô lượng vô biên giáo hải hạnh môn đều là tự tâm phát hiện, tự tâm dẫn xuất, hoàn toàn không có một pháp một hạnh từ bên ngoài thành. Nếu khởi niệm cầu bên ngoài, chạy theo cảnh thù thắng khác là việc ma, cho nên kinh nói: "Quán như đây gọi là chính quán, còn quán khác gọi là tà quán". Vì vậy biết rằng tâm chính thì sự chính, tâm tà thì sự tà. Nếu chưa đạt

nhất tâm thì chạm việc gì cũng là ngụy, chính hạnh cũng thành tà hạnh, chỗ Phật biến thành chỗ ma. Nếu vào Tông Cảnh thì không nơi nào mà không lợi, khổ hạnh cũng thành diệu hạnh, tà tông cũng thành chính tông. Như một pháp ngũ nhiệt nướng thân của ngoại đạo, nếu thấu rõ thì là ngọn lửa vô phân biệt trí của Bà-la-môn Thắng Nhiệt, nếu mê muội thì trở thành ngọn lửa đại ngã kiến của Ni-kiền-tử. Thế nên pháp không tà chính, đạo ở chỗ biến thông.

Như Ni-kiền-tử ở Ấn Độ ngũ nhiệt nướng thân sinh đại tà kiến, đệ tử Phật nói với họ: Thiện nam, như người thế gian đánh xe ngựa chạy trên đường, muốn chóng đến nơi thì đánh con ngựa là phải hay đánh chiếc xe là phải ? Ni-kiền-tử nghe nói thế bèn nổi giận! Đệ tử Phật nói: Thiện nam, con ngựa dụ cho tâm, chiếc xe dụ cho thân, sao chịu khổ thân mà chẳng tu tâm, không cần nướng thân mà cần phải nướng tâm.

Kinh Hoa Nghiêm ghi: "Lại có mười nghìn vua Khẩn-na-la ở trong hư không xướng lên: Thiện nam, lúc bà-la-môn ngũ nhiệt nướng thân thì chúng tôi ở cung điện, những cây đa-la, lưới chuông báu, đai lụa báu, cây âm nhạc, cây diệu bảo và nhạc khí tự nhiên phát ra tiếng Phật, tiếng pháp và tiếng Bồ-tát tăng bất thối chuyển, phát ra âm thanh nguyện cầu vô thượng bồ-đề, nói rằng ở phương... cõi... có Bồ-tát... phát tâm bồ-đề; ở phương... cõi... có Bồ-tát... tu hành khổ hạnh, cái khó bỏ có thể bỏ, cho đến thanh tịnh tất cả trí hạnh; ở phương... cõi... có Bồ-tát... đi đến đạo tràng; cho đến phương... cõi... có Như Lai... làm Phật sự rồi nhập niết-bàn. Thiện nam, giả sử có người lấy tất cả cỏ cây cõi Diêm-phù-đề nghiền nát làm bụi nhỏ. Số bụi nhỏ này có thể biết hạn lượng, các báu vật trong cung điện chúng tôi như cây đa-la, cho đến nhạc khí, nói tên Bồ-tát, tên Như Lai, phát đại nguyện, những việc tu hành v.v... không thể biết được giới hạn. Thiện nam, chúng tôi do nghe tiếng Phật, tiếng pháp, tiếng Bồ-tát tăng mà sinh lòng hoan hỉ vô cùng đi đến chỗ ấy, Bà-la-môn liền thuyết pháp khiến chúng tôi và vô lượng chúng sinh khác ở nơi vô thượng chính đẳng chính giác được bất thoái chuyển.

Thế nên nhất tâm chính quán rất là trọng yếu, vì dụng chút tâm lực được thành đại bồ-đề, cho nên *Hoa Nghiêm Tư Ký* nói: Trong kinh này chỉ một pháp thân được gọi nhiều tên, như ở trời người thì thập thiện ngũ giới là thân, ở Thanh văn thì tứ đế, ở Duyên Giác thì thập nhị nhân duyên, ở Bồ-tát thì lục độ, ở Phật thì chủng trí là thân. Thân là nghĩa tụ họp. Ở trong pháp thân, tùy theo hạnh vị, chỗ tụ hội công đức gọi là thân. Nếu là hữu tình thì thân tướng đều do pháp thân sinh khởi, nếu là vô tình như cõi nước đều từ Phật trí hiện ra, hoàn toàn không mảy may ở ngoài Tông Cảnh mà riêng có thể khác được kiến lập. Cho nên kinh nói: "Nếu một pháp là có thật thì Ma-ha-diễn không thể xuất hiện". Nếu còn có một pháp thì không được gọi là độc tôn, độc thắng, là sở y của muôn vật, do đó tùy căn cơ chẳng đồng thấy có nhiều thứ; đối với mười ba-la-mật mà năm giáo sai biệt: Một là tiểu thừa giáo chẳng thành ba-la-mật. Hai là thỉ giáo phải là những người có chủng tính Bồ-tát mới có; hoặc đều có thể tính, hoặc nói đều không. Ba là chung giáo mỗi mỗi đều từ công đức của chân như tính khởi. Bốn là đốn giáo mỗi mỗi đều bất khả thuyết, nghĩa là chẳng bố thí chẳng xan tham, cho đến chẳng trí chẳng ngu v.v... tất cả đều dứt sạch, hoặc mười hoặc sáu đều quên lời. Năm là viên giáo mỗi mỗi viên dung cụ đức vô tận.

Lại mười ba-la-mật có thể do ý được nhất niệm tương ưng tâm xả thì đủ mười độ xả mà chẳng thủ gọi là thí; chẳng bị những điều xấu làm nhơ gọi là giới; nhân được những điều chẳng phải có gọi là nhẫn; lìa tướng thân tâm gọi là tinh tiến; lặng lẽ bất động gọi là định; biết rõ vô sinh gọi là bát-nhã; tuy rỗng không mà chẳng ngại biết tướng gọi là phương tiện; mong bằng quả Phật gọi là nguyện; tư trạch bất động gọi là lực; quyết đoán phân minh gọi là trí! Nhất niệm trong gang tấc mười độ đốn viên, cho nên trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Thất Địa niệm niệm đầy đủ mười ba-la-mật. Thế nên mười độ đầy đủ thì tám muôn bốn nghìn pháp môn đồng thời hiện hữu. Nói Tổ giáo hoặc cạn hoặc sâu chỉ là nơi tâm, lý không gì chẳng tận. Nếu ngoài tâm hành sự thì chấp tướng chịu luân hồi, trải

qua ba tăng-kỳ trọn thành vọng tưởng. Thế nên thiện nam nói: Ngày xưa trong vô sô kiếp ta bố thí cho người vô số đất nước, của cải, thân mạng. Bố thí với tâm vọng tưởng không phải là bố thí. Ngày nay với tâm vô sinh dâng năm đóa hoa cúng Phật mới gọi là thí. Cho nên *kinh Hoa Nghiêm* có bài tụng:

Giả sử vô số kiếp,
Dâng tiền cúng dường Phật,
Chẳng biết thật tướng Phật
Đây chẳng gọi là thí.

Lại nói: Nơi tất cả thiện căn sinh ý tưởng thiện căn, cho đến nơi tất cả hạnh sinh ý tưởng hạnh, tất cả sự tướng sai biệt, cảnh giới ngang dọc, nếu trên tướng quan sát thì hành bố khó hiểu, nếu trên thể tiêu dung thì thảy đều bình đẳng.

Cho nên Cổ đức nói: "Muôn sự trở về thể đều an ổn, thị phi đưa vào tâm thêm rối rắm". Do đó Phó đại sĩ có bài tụng:

Nếu trở về cội gốc
Tâm tính không chìm nổi.
An trụ nơi tam-muội
Vạn hạnh đều tròn đầy.

Hỏi: Vạn hạnh duy tâm thì từ tâm khởi hạnh, phép tắc đạo tràng đều căn cứ sự tướng mà tu thì làm thế nào gom nghìn lối về một đường ?

Đáp: Sự kì diệu của tông môn Nhất thừa này chỉ dùng một niệm tâm chiếu chân đạt tục thành vô thượng giác gọi là đạo tràng. Vì sao ? Chiếu chân thì lý không gì chẳng gồm, đạt tục thì sự không gì chẳng đủ. Do đó *kinh Duy-ma* nói: "Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng, vì thành tựu nhất thiết trí". Pháp sư La-thập giải thích: Pháp nhị thừa dùng ba mươi bốn tâm thành đạo, nhất niệm Đại thừa đích thực đại ngộ đầy đủ nhất thiết trí. Pháp sư Tăng Triệu giải thích: Nhất thiết trí là trí tột cùng, sáng tỏ như ánh bình minh chiếu soi chỗ tối tăm lắng động tợ vực sâu yên tĩnh soi rõ các hình tượng. Không biết mà không gì chẳng biết đó chỉ là nhất thiết trí! Hễ có

tâm thì có bờ cõi, có bờ cõi thì có biên giới. Biên giới đã hình thành thì trí kia có giới hạn; trí kia có giới hạn thì chỗ chiếu soi bị hạn chế. Còn bậc chí nhân vô tâm, vô tâm thì không bờ cõi, không bờ cõi thì không biên giới. Biên giới đã không thì trí kia không bờ mé. Trí kia không bờ mé thì chỗ chiếu soi vô cùng, cho nên nhất niệm nhất thời ắt biết tất cả pháp. Đạo tràng, lý thật tướng khắp nơi là tràng, vạn hạnh cùng chứng là đạo; đạo không gì chẳng đến, tràng không gì chẳng trụ. Nếu hay ôm giữ đạo tràng trong lòng, để lại mọi phiền lụy ở ngoài thân, tuy hình hài còn ở nơi ồn náo, tung tích ở gần với thế gian, dạo chơi khắp nơi đều là đạo tràng.

Do đó *kinh Thiền Yếu* ghi: "Bồ-tát Khí Chư Cái bạch Phật: Thế Tôn, con từng nghe thấy Như Lai ngồi đạo tràng, vậy đạo ở nơi nào xa hay gần, có thể thấy chăng ? Phật nói: Thiện nam, pháp thân đầy khắp, không gì chẳng phải cõi Phật, mười phương thế giới, ngũ ấm, tinh xá tính không tự lìa là đạo tràng, vì sao hỏi xa hay gần ? Thiện nam, nếu người có thể biết đạo ở nơi thân ấy gọi là thấy đạo".

Kinh Chư Pháp Vô Hành ghi: Văn-thù-sư-lợi nói:

- Thế Tôn, tất cả chúng sinh đều là đạo tràng là tướng bất động.

- Này Văn-thù-sư-lợi, vì sao gọi là tướng bất động ?

- Thế Tôn, đạo tràng có nghĩa gì ?

- Văn-thù-sư-lợi, tất cả pháp là tướng tịch diệt vô tướng, vô sinh, vô sở hữu, bất khả thủ, đây là nghĩa đạo tràng.

- Thế Tôn, tất cả chúng sinh không vào đạo tràng này chăng ?

- Đúng thế, đúng thế!

- Bạch Thế Tôn, thế nên tất cả chúng sinh đều là đạo tràng, gọi là tướng bất động.

Kinh Hoa Nghiêm có bài tụng:

Như vậy ông chủ trong mọi người.
Ở nơi tất cả các cảnh giới,
Niệm niệm thảy đều được liễu ngộ.
Cũng không xả bỏ hạnh bồ-đề.

Kinh nói: "Trong một sát-na biết rõ tất cả pháp, cứu cánh vô dư, diệu bồ-đề". Nay cũng không ngại sự tướng đạo tràng, vì là pháp hằng chân, tướng nơi vô tướng; ngoài lý không có sự, vô tướng nơi tướng. Lại vô tướng nơi tướng thì ẩn hiển đồng thời; tướng nơi vô tướng thì không hữu như nhau.

Kinh Bi Hoa nói: "Tu tịnh độ tâm kia bình đẳng như hư không, hành đạo tràng hiểu rõ ba cõi không tướng sai khác. Đây gọi là hành sự mà chẳng mất lý, rõ lý mà không bỏ sự, sự lý vô ngại, đạo ấy ở bên trong. Thế nên hòa thượng Trừng Quán nơi môn nhất tâm lập mười cõi tịnh độ, thành ra mười đấng Như Lai, ngồi mười ngôi đạo tràng, nói mười loại pháp môn.

1/ Kim Cương Như Lai, nơi đạo tràng kim cương, hay nói pháp môn kim cương, dùng trí tự tâm thấy tâm tính của mình. Tâm này xưa nay vốn không các tướng, như hư không lặng lẽ bất động. Tâm thấy rõ ràng gọi là kim cương Như Lai. Nói về pháp môn kim cương như kinh có bài kệ: "Tâm trí tuệ Bồ-tát, thanh tịnh như hư không, vô tính không chỗ nương, tất cả không thể được". Nói về mười cõi tịnh độ, như kinh nói: "Mười phương quốc độ đều như hư không".

2/ Giải thoát Như Lai, nơi đạo tràng không chấp trước, hay nói pháp môn không chấp trước. Tất cả pháp tướng hữu vi vô vi đều lưu xuất từ tâm, không gì chẳng phải tâm. Tự tâm hay sinh ra các pháp còn không có thể tướng thì làm sao các pháp nương vào tâm được sinh ra có thật thể ? Tức là thể cùng tướng một vị không khác, làm gì có chỗ chấp trước đây gọi là giải thoát Như Lai. Về pháp môn vô trước, như Luận nói: "Vì tất cả pháp đều từ tâm khởi, tất cả phân biệt đều phân biệt từ tâm, tâm chẳng thấy tâm, không tướng để được".

3/ Bát-Nhã Như Lai, nơi đạo tràng vô trụ hay nói pháp môn vô trụ. Kinh nói: "Tự thân ở trong ba cõi tùy theo chỗ cầu trọn không tự tính, nên chẳng được trụ tướng. Do đó phải biết tất cả các tướng là một pháp vô trụ; lúc tùy duyên, tương tức, tương dung từ

vô trụ mà lập ra tất cả pháp. Tâm hay biết rõ vô trụ gọi là Bát-nhã Như Lai hằng nói pháp môn vô trụ.

4/ Ma-ha-diễn Như Lai nơi đạo tràng vô ngại hay nói pháp môn vô ngại, như hư không bất động sinh ra các sắc. Tuy sinh ra các sắc mà không ra ngoài hư không chỉ có hư không tạo ra sắc. Sắc không vô ngại, dung thông tướng không hai; tu tâm cũng thế, lý sự vô ngại, lý là tâm, sự là thân. Từ xưa đến nay sắc tâm không hai, như thế thâm tâm vô ngại gọi là Ma-ha-diễn Như Lai nói pháp môn vô ngại.

5/ Bồ-đề Như Lai, nơi đạo tràng vô tướng hay nói pháp môn vô tướng. Kinh nói: "Tứ đại không có chủ, thân không có ngã, lìa tướng năng sở gọi là Phật thân. Như vậy quán tâm không dứt là quán chỗ tâm hành đầy đủ thật tướng gọi là Bồ-đề Như Lai, vì tất cả chúng sinh là tướng bồ-đề.

6/ Thật tế Như Lai, nơi đạo tràng thật tế hay nói pháp môn thật tế. Khi dùng con mắt của mình nhìn những vật nhỏ xíu thì tướng sự vật ấy vào trong mắt. Vật rất nhỏ ấy vì không có bên trong nên hàm chứa không ngoài tướng lớn pháp giới vô ngại, vì vậy biết rằng trong một sát-na tâm thấy tướng sự vật thì trong tâm niệm sau không có tướng sự vật, vì tâm trước niệm sau đều là tự tâm, biết rõ số lượng vi trần bất động trùm khắp pháp giới, thì tự tâm thật tế trùm khắp mọi nơi. Kinh nói: "Có tạo nghiệp và tạo tác là ma sự. Sáu căn không có chỗ đến chẳng theo các pháp gọi là bình đẳng tinh tiến".

7/ Chân như Như Lai, nơi đạo tràng thường trụ hay nói pháp môn thường trụ. Quán tâm dạo khắp vô biên cõi nước, trạm nhiên ngưng tịch. Tâm ngưng tịch này tùy duyên chẳng mất bản thế, thế nên tận thuở vị lai gặp duyên hằng bất động, nên gọi là pháp thường trụ. Như kinh nói: "Tất cả pháp hữu vi vô vi, có Phật không Phật tính tướng thường trụ không biến đổi".

8/ Pháp giới Như Lai, nơi đạo tràng pháp giới hay nói pháp môn pháp giới. Pháp là tâm thật tướng, giới là những cõi nước sinh

ra từ tâm này, như biển cả sinh ra các vật không gì chẳng phải biển. Tất cả các pháp đều sinh ra từ tâm thật tướng nên không gì chẳng phải tâm. Cho nên phải biết những hình sắc mắt thấy, những âm thanh tai nghe đều là pháp chân thật, vì tất cả pháp chỉ có một pháp. Như kinh nói: "Tất cả pháp chỉ có một tướng".

9/ Pháp tính Như Lai, nơi đạo tràng pháp tính hay nói pháp môn pháp tính. Chẳng phân biệt phàm Thánh thiện ác gọi là tính. Pháp không phân biệt ấy đồng với pháp giới trùng trùng vô tận, trong một hiểu vô tận, vì pháp tính vô tận. Do đó được biết đều vô tận, trong pháp giới vào mỗi một duyên lúc tìm thấy, vì tận thuở vị lai không thể được.

10/ Niết-bàn Như Lai, nơi đạo tràng tịch diệt hay nói pháp môn tịch diệt, tất cả pháp đều là niết-bàn, người được ý này dù sống trong cảnh động vẫn thấy pháp tịch diệt, không lìa sinh tử thường được niết-bàn, không bỏ thân vô thường mà luôn được thân thường trụ. Kinh nói: "Chúng sinh như, tất cả pháp như, như không sinh, như không diệt". Do nghĩa này mà dở chân hạ chân không rời đạo tràng, trong mỗi niệm thường làm Phật sự, cho nên biết rằng thông đạt nhất niệm thì pháp pháp tròn đầy, thấu rõ nhất tâm thì môn môn đầy đủ, vô biên Phật sự không ngoài một trần.

Lại trí thân ngồi khắp cả đạo tràng pháp tính, pháp thân chẳng ngồi mà ngồi đạo tràng, pháp môn thân an tọa đạo tràng muôn hạnh, huyễn hóa thân an tọa đạo tràng trăng đáy nước.

Trí thân là pháp, tính là sở chứng. Vì trí năng chứng ở yên trong lý; nơi chứng lý là chỗ đắc đạo.

Pháp thân, vì không có năng sở nên là chẳng phải ngồi. Ngồi mà chẳng phải ngồi, lặng lẽ an trụ gọi là ngồi đạo tràng.

Pháp môn thân, như nói bố thí là đạo tràng vì không mong cầu báo đáp v.v... Lấy vạn hạnh làm nơi đắc đạo là đạo tràng.

Huyễn hóa thân, kinh Niết-bàn nói: "Nay thân ta là thân huyễn hóa thì chỗ đắc đạo như trăng đáy nước". Vì thế người xưa nói: Tu tập vạn hạnh như hoa đốm hư không, an tọa đạo tràng như

trăng trong nước, hàng phục thiên ma như bóng trong gương, chứng Thánh Phật quả như việc trong mộng.

Ngụ ý: Hoặc nhân hoặc quả đều từ duyên sinh, vì như mộng huyễn. Thế nên hoặc thật hoặc huyễn đều là nhất tâm, vì thật là tính của tâm, huyễn là tướng của tâm. Do vì lúc thấu rõ tướng hư giả thấy tự tâm tính là nơi đắc đạo, nên gọi là đạo tràng. Hiểu như thế những gì nêu ra dưới đây đều là đạo tràng thì niệm niệm đều thành pháp môn vô tận, niệm niệm đều chứng Pháp Hoa tam-muội. Như Thiên Thai giáo nói về Pháp Hoa tam-muội là bốn cái nhất: lý nhất, giáo nhất, hạnh nhất, nhân nhất. Quán nhất tâm tam đế là lý nhất, nhất tâm tam quán là hạnh nhất, kẻ hay quán là nhân nhất, hay giải thích cảnh quán là giáo nhất. Lại pháp thân là lý nhất, bát-nhã là giáo nhất, giải thoát là hạnh nhất, hòa hạp ba pháp thành giả danh là nhân nhất. Những thứ ấy là quán hạnh Như Lai.

Nơi lục tức mỗi vị, mỗi niệm, mỗi sắc, mỗi hương đều có bốn cái nhất. Thực hành quán hạnh này thì pháp nào chẳng phải là Pháp Hoa tam-muội. Vì sao ? Vì giáo lý là chỗ giải thích của tâm, nhân hạnh là chỗ thực hành của tâm, vì đều không ngoài nhất tâm, nên nói trần trần niệm niệm đều là Pháp Hoa tam-muội.

Hỏi: Đã gọi là một tâm một thân tại sao lập ra các thân tướng, các pháp môn ?

Đáp: Đây là nguồn của muôn loài, là gốc của nhất chân, tùy duyên ứng dụng như hạt châu như ý đối vật hiện hình, như chiếc gương tròn lớn. Thế nên bao trùm vạn tượng là đại pháp tạng, xuất sinh vô tận là vô tận tạng, diệu huệ vô cùng là đại trí tạng, pháp pháp hằng như là Như Lai tạng, bản tính vô hình là tịnh pháp thân, thể hợp chân không là hư không thân, tướng hảo hư huyền là diệu sắc thân, diệu biện vô cùng là trí tuệ thân, ẩn hiển vô ngại là ứng hóa thân, vạn hạnh trang nghiêm là công đức thân, niệm niệm không trệ là nhập pháp môn giải thoát, tâm tâm rỗng rang là nhập pháp môn không tịch, lục căn tự tại là nhập pháp môn vô ngại, nhất niệm bất sinh là nhập pháp môn vô tướng.

Lại chỉ thú trong đây, nếu giúp nhau thì chỉ có rộng lớn diễn bày vô cùng; nếu nhiếp nhau thì nhỏ bé tìm không dấu vết. Đây là lìa hữu vô mà không hoại hữu vô, nêu nhất dị mà chẳng phải nhất dị thì lửa tứ biên không thể thiêu, cấu của bách phi không thể nhiễm! Chỉ tùy duyên hiển hiện như tiếng vang trong hang rỗng. Cho nên *kinh Đại Niết-bàn* nói: "Như một người có nhiều khả năng, lúc đi gọi là người đi, lúc đứng gọi là người đứng, lúc ăn uống gọi là người ăn, nếu làm nghề mộc gọi là thợ mộc, khi nấu luyện vàng bạc gọi là thợ kim hoàn. Như vậy một người mà có nhiều tên gọi, pháp cũng như thế, kỳ thật chỉ là một mà có nhiều tên, cho nên biết nơi dụng thì nhiều thứ, nơi thể chỉ có một.

Đại sư Huệ Viễn ở Lư Sơn nói: Tính biết chỉ có một tùy theo dụng chia ra nhiều thứ, chẳng phải ngoài tâm riêng có các số. Như một loại vàng làm ra các món trang sức, chẳng phải ngoài vàng riêng có đồ trang sức. Tùy dụng mà phân biệt thọ tưởng hành v.v... đều riêng giữ lấy tự tướng được nói có số. Như vàng với đồ trang sức chẳng phải không khác, vàng và đồ trang sức tuy khác song không có trước sau, tâm pháp cũng như thế. Nếu nói nhất định là một thì vàng phải nên không có đồ trang sức, nếu nói nhất định là khác thì đồ trang sức đáng lý chẳng phải vàng. Tâm pháp là một hay khác theo đây có thể biết. Thế nên nếu chỉ dựa vào vàng thì mất đồ trang sức, phá hoại thế đế; nếu chỉ dựa vào đồ trang sức thì mất vàng, ẩn mất chân đế.

Do đó tính tịnh theo nhiễm thì cả thể thành tục là môn sinh diệt; tính nhiễm thường tịnh xưa nay chân tịnh là môn chân như. Đây là tức tịnh mà nhiễm, chẳng ngại chân mà hằng tục; tức nhiễm mà tịnh, chẳng phá tục mà hằng chân. Thế nên không ngại nhất tâm, đều còn nhị đế, cho đến vô lượng thân vân, vô lượng pháp môn, theo nghĩa dù phân chia mà nhất tâm chẳng động. Do đó pháp là chỗ trở về của chư Phật. Pháp là tâm, cho nên nhờ pháp có thể thành Phật.

Kinh Đại Bảo Ân nói: "Phật lấy pháp làm thầy". *Kinh Bát-nhã* nói: "Ta mới thành đạo, cái đáng kính, đáng khen không gì qua pháp, vì pháp có thể thành tựu tất cả Thánh phàm". *Thiên thai giáo* nói: "Nếu quán pháp môn tâm địa Như Lai tạng tức là quán Như Lai, mắt tai mũi lưỡi thân ý bỗng nhiên chân phát thấy được Phật tính, ba trí hiện tiền, ba thân đầy đủ. Cho nên biết rằng duỗi ra là muôn pháp, co lại là nhất tâm, vô lượng trong một, một trong vô lượng".

Kinh Hoa Nghiêm ghi: "Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Bồ-tát Đức Thủ: Phật tử, những gì Như Lai tỏ ngộ chỉ là một pháp, tại sao lại nói vô lượng các pháp hiện vô lượng cõi nước, giáo hóa vô lượng chúng sinh diễn nói vô lượng âm thanh, thị hiện vô lượng thân, biết vô lượng tâm, hiện vô lượng thần thông, hay chấn động vô lượng thế giới, thị hiện vô lượng thù thắng trang nghiêm, hiển bày vô biên cảnh giới mà trong pháp tính tướng sai biệt này đều bất khả đắc.

Khi ấy, Bồ-tát Đức Thủ đáp bằng bài tụng:

Phật tử hỏi nghĩa lý
Sâu xa thật khó hiểu
Người trí hay biết đó,
Thường thích công đức Phật.
Như tính đất là một
Chúng sinh đều riêng trụ,
Đất không nghĩ một khác
Phật pháp cũng như thế.
Như tính lửa là một
Hay thiêu đốt mọi vật,
Ngọn lửa không phân biệt,
Phật pháp cũng như thế.
Như biển cả là một
Sóng mòi muôn nghìn khác,
Nước không chút sai khác,

Phật pháp cũng như thế.
Như tính gió là một
Hay thổi tất cả vật,
Gió không nghĩ một khác
Phật pháp cũng như thế.
Cũng như sấm sét lớn,
Mưa xuống khắp mọi nơi,
Giọt mưa không khác nhau
Phật pháp cũng như thế.
Như đất đai là một
Hay sinh các mầm mọng
Chẳng phải đất có khác
Phật pháp cũng như thế.
Như trời không mây mù
Chiếu khắp cả mười phương,
Ánh sáng cũng không khác,
Phật pháp cũng như thế.
Như trăng giữa hư không
Thế gian đều trông thấy,
Trăng chẳng đến nơi ấy,
Phật pháp cũng như thế.
Như Đại Phạm vương thiên
Ứng hiện đầy tam thiên,
Nhưng thân không sai khác,
Phật pháp cũng như thế.

Cho nên biết rằng ý nghĩa của nhất tâm Tông Cảnh gọi là đạo cụ túc, môn viên đốn. Căn cứ duyên khởi thì vô biên, căn cứ chân tính thì không hai, một nhiều xen suốt, mất còn đồng thời.

Pháp sư Pháp Tạng nói: Nói về bất nhị, nếu chấp trần với tâm là một, lời nói ngăn là chẳng phải một, vì những gì do tâm hiện ra chẳng phải không duyên cớ. Nếu chấp trần với tâm là hai, lời nói

ngăn chẳng phải hai, vì lìa ngoài tâm không riêng có trần. Một hai vô ngại hiện tiền mới vào bất nhị.

Kinh có bài tụng:

Trong trí tuệ không hai
Sinh ra Đấng sư tử
Chẳng chấp pháp một hai
Vì biết không hai một.

Lại nói: Nếu chấp trần duy tâm hiện thì ngoại trần đều bặt; nếu chấp tâm toàn hiện ngoại trần thì nội tâm đều dứt. Mất là mất cái thấy ngoài thể; còn là còn cái sự toàn lý. Tức mất hằng còn, tức còn hằng mất, vì thế nhất tâm bao hàm vạn hữu, vạn hữu không khác nhất tâm.

Khởi Tín Luận Sớ nói: Pháp là tâm chúng sinh sinh ra pháp thể. Nghĩa là Như Lai tạng tâm bao gồm hai môn hòa hợp vì ở địa vị chúng sinh. Nếu tại Phật địa thì không có nghĩa hòa hợp, vì thỉ giác và bản giác chỉ là chân như, là nghĩa đang hiển bày. Nay đứng trên địa vị chúng sinh theo nhiễm đầy đủ hai môn.

Kế đến gom tất cả pháp thế và xuất thế gian để nói đến công năng của pháp vì thể tướng của tâm này vô ngại, nhiễm tịnh đồng nương tâm, theo dòng nghịch dòng chỉ là chuyển tâm này. Thế nên nếu theo nhiễm thì thành bất giác là thuộc pháp thế gian; nếu theo bản giác bất biến và thỉ giác trái nhiễm là thuộc pháp xuất thế gian, đây là căn cứ trên môn sinh diệt. Nếu theo môn chân như, bao gồm nhiễm tịnh không sai khác nên thông nhiếp.

Dưới đây trình bày đầy đủ ba pháp đều nương nơi tâm này hiển bày nghĩa đại thừa, giải thích tên gọi pháp ấy, nghĩa là y nơi nhất tâm hiển bày nghĩa ba đại của đại thừa nên gọi là tâm. Vì là pháp trong sai biệt có hai: trước nêu tổng quát để đặt vấn đề, sau đó mở rộng sự sai biệt để giải thích. Trong phần trước có hai ý: một là tâm gồm cả nhiễm tịnh, đại thừa chỉ có tịnh tại sao tâm này hay hiển nghĩa ? Lại nói tâm pháp là một, nghĩa đại thừa rộng lớn tại sao tâm này hay hiển ba nghĩa ?

Giải thích: Đại thừa tuy tịnh, tướng dụng phải do đối nhiễm mà thành cho nên trong môn sinh diệt đã có sẵn nhiễm tịnh nên hay hiển; vì khi bỏ nhiễm thì không có tịnh dụng; đây là giải thích ý đầu tiên.

Lại tâm pháp tuy một nhưng có hai môn: trong môn chân như hiển bày thể của đại thừa, trong môn sinh diệt hiển bày nghĩa ba đại của đại thừa. Không gì hơn ba pháp này do đó nương vào nhất tâm này hiển bày nghĩa ba đại.

Lại vì sao trong môn chân như nói là tức thị, trong môn sinh diệt nói là năng thị ? Vì chân như là môn bất khởi, cùng với thể đại được hiển thị không có tướng khác, lời nói và ý chỉ chẳng phân nên nói là tức thị. Do vì bất khởi nên chỉ hiển bày thể. Vì sinh diệt là môn khởi động, nhiễm tịnh sai biệt, lời nói và ý chỉ lại phân, năng sở bất đồng nên không nói là tức.

Về tự thể tướng dụng, thể là nghĩa của bản giác trong môn sinh diệt, là tự thể của sinh diệt; vì là nhân của sinh diệt nên trong môn sinh diệt cũng biện về thể. Tịnh tướng trái nhiễm và nghiệp dụng tùy nhiễm đều ở trong môn này nên luận đầy đủ. Cho nên văn dưới giải thích trong môn sinh diệt là hiển bày nghĩa ba đại, ý tại nơi đây.

Vì sao trong môn chân như chỉ nói là thể, trong môn sinh diệt nói là tự thể ? Vì ba đại được hiển bày vẫn còn ở nơi năng thị, trong môn sinh diệt hiển bày chẳng phải riêng ngoài nên nói là tự.

Hỏi: Chân như là môn bất khởi chỉ hiển bày thể; sinh diệt là môn khởi động lẽ ra chỉ bày tướng dụng ?

Đáp: Chân như là môn bất khởi, bất khởi không hẳn do khởi, do vì không có khởi nên chỉ hiển bày thể. Sinh diệt là môn khởi động, khởi hẳn phải nhờ bất khởi, khởi bao gồm bất khởi nên trong khởi có đủ ba đại.

Hỏi: Hai môn chân như và sinh diệt đã cùng tương nhiếp, vì sao trong môn chân như chỉ hiển bày thể đại thừa, không hiển bày tướng dụng; còn trong môn sinh diệt hiển bày ba đại ?

Đáp: Chân như là môn bặt tướng hiển thật, vì chẳng hoại tướng mà hiển thật nên thuộc về sinh diệt; vì bặt tướng mà thật chẳng mất nên chỉ hiển bày thể. Sinh diệt là môn nắm lý thành sự, vì chẳng hoại lý mà thành sự nên thuộc về chân như; vì thành sự mà lý chẳng mất nên hiển bày đủ ba đại.

Thể đại, chân tính rộng lớn phàm Thánh nhiễm tịnh đều nương theo đây nên được gọi là đại. Theo dòng thêm nhiễm mà không tăng, nghịch dòng trừ nhiễm mà không giảm; lại nghịch dòng thêm tịnh mà chẳng tăng, theo dòng thiếu tịnh mà chẳng giảm. Do vì chẳng bị nhiễm tịnh làm khiếm khuyết, chẳng bị trước sau làm biến đổi nên nói là bình đẳng không tăng giảm.

Tướng đại, là nghĩa bất không thứ hai của Như Lai tạng, nghĩa là tướng không khác với thể nên nói là tính đức, như tám đức của nước không khác với nước.

Dụng đại, là tùy nhiễm đều huyễn, đại dụng tự nhiên, hai thân báo hóa là dụng thô tế khiến cho chúng sinh ban đầu thành thiện thế gian, sau cùng thành thiện xuất thế gian. Văn dưới sẽ trình bày.

Vì sao chỉ nói thiện mà không nói bất thiện ? Vì pháp bất thiện trái với chân nên chỗ đối trị không phải là dụng kia; nếu như thế các pháp bất thiện phải lìa chân.

Giải thích: Cũng không lìa chân, vì trái với chân nên không phải dụng kia. *Dụ Hiển Sao* nói: "Nhất tâm như nước, chân như như tính ướt, sinh diệt như sóng. Tính ướt của nước là chỉ cho thể của nước, đây là môn chân như. Tướng sóng của nước là chỉ bày tướng dụng của nước; tính ướt là tự thể, tám tướng công đức là tướng soi hình tưới mát muôn vật là dụng, đây là môn sinh diệt. Chân như môn là thể, không nói tướng dụng. Sinh diệt môn là tướng dụng nên nói đủ ba thứ thể tướng dụng.

Lại biết sinh diệt là tướng của chân như, chân như là thể của sinh diệt. Thể tướng tuy khác nhưng không lìa nhau như sóng với nước lìa nhau thì ngoài sóng làm sao có nước, đâu chẳng phải nước với sóng làm tự thể sao ?"

Do đó *Sớ* nói: "Nói về khởi bao gồm bất khởi, chân như là môn bất khởi, toàn thể làm thành tướng khởi động sinh diệt. Nay trong khởi bao gồm bất khởi như nước dấy thành sóng, sóng hàm chứa nước. Vì trong môn sinh diệt có khởi động nên hiển bày tướng dụng đại; vì bao gồm bất khởi nên hiển bày thể đại".

Lại nói: "Môn chân như chỉ hiển bày thể, không bày tướng dụng. Môn sinh diệt hiển bày ba đại, lý sự đầy đủ". Lại nói: "Như các món nữ trang bằng vàng, chân như tùy duyên thành sinh diệt; sinh diệt vô thể tức chân như, như vàng ròng do người thợ kim hoàn làm ra các món trang sức. Các món trang sức vô thể, chính là vàng ròng".

Ứng Lập Lượng nói: "Hai môn chân như và sinh diệt vì có pháp tương nhiếp nên là tông. Do chẳng tương ly nên dụ cho đồ nữ trang bằng vàng".

Lại nói: "Chân chẳng đợi lập, tục chẳng đợi trừ:

1. Đứng về chân không chỗ trừ, vì tục chính là chân.
2. Đứng về chân chẳng đợi lập, vì chính là chân của tục.
3. Đứng về tục không chỗ trái, vì chân chính là tục.
4. Đứng về tục chẳng đợi lập, vì chính là tục của chân".

Do nghĩa này nên không hoại môn sinh diệt mà nói môn chân như; chẳng hoại môn chân như mà nói môn sinh diệt, vì hai môn chỉ là nhất tâm, thế nên chân tục dung hợp không chướng ngại.

Luận Thích Ma-ha-diễn nói: "Theo bản luận đại lược có ba môn: một là bản pháp sở y quyết định môn, hai là căn bản nhiếp mạt phân tế môn, ba là kiến lập nhị chủng ma-ha-diễn môn".

Luận nói: "Pháp là tâm chúng sinh, là bản pháp sở y quyết định môn".

Luận nói: "Tâm này gồm cả tất cả pháp thế và xuất thế gian, là căn bản nhiếp mạt phân tế môn".

Luận nói: "Nhất tâm bao gồm tất cả pháp sinh diệt môn nên thuộc về thế gian; bao gồm tất cả pháp chân như môn nên thuộc về xuất thế gian".

Luận nói: "Nương vào tâm này hiển bày nghĩa ma-ha-diễn tức là kiến lập nhị chủng ma-ha-diễn môn: Một là tám chân như môn, hai là tâm sinh diệt môn; một là nhất thể ma-ha-diễn, hai là tự thể, tự tướng, tự dụng ma-ha-diễn".

Tạo ra một pháp giới, tâm chân như môn liền hiển bày pháp nhất thể ma-ha-diễn. Tạo ra một pháp giới tâm sinh diệt môn có thể hiển bày pháp tự thể, tự tướng tự dụng ma-ha-diễn. Cho đến nương nơi môn chân như, thể nhập pháp ma-ha-diễn chỉ lập ra tên của thể; nương nơi môn sinh diệt, thể nhập pháp ma-ha-diễn lập ra tên của tự, vì trong môn chân như không có tướng tha, trong môn sinh diệt mới có tướng tha.

Tha là tất cả pháp bất thiện, tự là tất cả pháp thanh tịnh. Nếu không có tha sở đối thì cũng không có tự năng đối nên chỉ nói thể mà không nói tự. Nếu có tha sở đối thì cũng có tự năng đối nên chỉ nói tự mà không nói thể.

Hai thứ bản pháp đều có mười tên, tên chung mà nghĩa khác.

1. Quảng đại thần vương:

Trong đây có hai vị: một là Cưu-na-da thần vương, hai là Già-tỳ-khư-la thần vương. Thần vương thứ nhất ở núi Kim Cương luôn sinh ra kiết tường thần chúng. Thần vương thứ hai ở biển cả hay sinh ra tất cả kiết tường và quá hoạn thần chúng.

Hai loại bản pháp quảng đại thần vương cũng như thế, bản pháp nhất thể luôn sinh ra tịnh pháp chân như, tự thể tự tướng tự dụng của bản pháp thông khắp sinh ra các pháp thanh tịnh và nhiễm ô. Cho nên trong *kinh Tự Thể* ghi: "Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Bạch Thế Tôn, hai thứ đại thừa sâu xa nhiệm mầu chẳng biết đồng hay khác, mọi người hoài nghi, mong Thế Tôn chỉ dạy ? Phật dạy: Thiện nam, hai pháp ấy như Kim cương thần vương và Chủ hải thần vương hình tướng khác nhau. Nghĩa là Kim cương thần vương ở núi Kim Cương thấy các cảnh giới chỉ hiện ánh sáng vàng kim mà không hiện các ánh sáng khác. Chân như nhất tâm kim cương thần vương cũng như thế, vì chỉ có tịnh pháp mà không có pháp khác.

Lại như kim cương vương chỉ sinh ra quyến thuộc thanh tịnh mà không sinh ra quyến thuộc tạp loạn; chân như nhất tâm cũng như thế chỉ sinh ra pháp vô cấu thanh tịnh.

Lại nữa, như Chủ hải thần vương ở biển cả sinh ra những quyến thuộc thô ác, quyến thuộc thiện diệu. Sinh diệt nhất tâm Chủ hải thần vương cũng như thế sinh ra tất cả pháp nhiễm tịnh".

2. Đại hư không vương:

Trong đây có hai vị: một là Không tự tại không vương, hai là Sắc tự tại không vương. Không vương thứ nhất lấy không dung thụ làm tự tại, không vương thứ hai lấy sắc dung thụ làm tự tại.

Hai thứ bản pháp cũng như thế, nhất thể không vương lấy không chỗ trụ làm tự tại, tam tự không vương lấy có chỗ trụ làm tự tại. Cho nên trong *kinh Kim cương Tam-muội* ghi: "Tâm như pháp lý, tự thể không vô như Không vương kia vốn không có chỗ trụ". Trong *kinh Nhất Địa* ghi: "Nhất tâm pháp thể đối với những chướng ngại không chướng ngại khiến trụ các pháp như Không vương tự tại đối với tất cả sắc dung nạp đại chủng".

3. Xuất sinh long vương:

Trong đây có hai vị: một là Xuất sinh quang minh long vương, hai là Xuất sinh phong thủy long vương. Long vương thứ nhất lấy tịnh quang minh làm y chỉ, long vương thứ hai lấy phong thủy đức làm y chỉ.

Hai thứ bản pháp xuất sinh long vương cũng như thế, nhất thể bản pháp lấy pháp thuần tịnh làm thể, tam tự bản pháp lấy pháp nhiễm tịnh làm đức. Cho nên trong *kinh Thuận Lý* ghi: "Nhất tâm bản pháp thuần nhất không tạp, như Quang minh long vương lấy tịnh quang minh làm cung điện, thân tướng, đồ chúng". Trong *kinh Vô Thỉ* ghi: "Ví như trong biển cả có đại long vương tên là Xuất sinh phong thủy từ đỉnh đầu phun ra nước, từ cuối đuôi phun ra sương, vì là rồng. Nước biển cả thường hằng nối nhau không gián đoạn, nhất tâm long vương cũng như thế hay sinh ra tất cả pháp sai biệt, bình đẳng thường hằng nối nhau không gián đoạn".

4. Như ý châu tạng:

Trong đây có hai thứ: một là Kim vương như ý, hai là Mãn chủ như ý. Như ý thứ nhất chỉ sinh ra kim cương, như ý thứ hai sinh ra đầy đủ vật thiện và bất thiện.

Hai thứ bản pháp cũng như thế, nhất thể như ý chỉ sinh tịnh pháp, tam tự như ý sinh cả nhiễm tịnh. Trong *kinh Như Lai* ghi: "Phật bảo Kim Cương Tạng: Này Phật tử, ví như Kim xí điểu vương mạng chung sau đó tâm nó nhập vào biển làm như ý châu, hay sinh ra Kim sa lợi ích long vương, nhất tâm bản pháp cũng như thế hay sinh chân lý lợi ích viên mãn". Trong *kinh Bản Tính Trí* ghi: "Ví như quỉ Già-đa-lợi vì báo ân mà trong muôn kiếp làm như ý châu lợi ích hải sinh, nhất tâm như ý cũng như thế hay sinh trưởng pháp sinh tử và niết-bàn".

5. Phương đẳng:

Trong đây có hai: một là Bạch hào phương đẳng, hai là Loạn sắc phương đẳng. Phương đẳng thứ nhất chỉ hiện chư thiên, phương đẳng thứ hai hiện cả năm đường. Như vậy hai loại hào quang chúng sinh hiển bày phân chia rõ ràng như gương sáng.

Hai thứ bản pháp cũng như thế, cho nên trong *kinh Nhiếp Vô Lượng* ghi. "Pháp giới thanh tịnh như bạch-tất-tát-y-ni-la, pháp giới vô tận như loạn-tất-tát-y-ni-la".

6. Như Lai Tạng:

Trong đây có hai: một là Viễn chuyển viễn phược Như Lai tạng, hai là Dữ hạnh dữ tướng Như Lai tạng. Trong *kinh Thật Tế* ghi: "Này Phật tử, Như Lai tạng, chỉ có giác ngộ, chỉ có như như, lìa nhân lưu chuyển, lìa sự trói buộc hiểu biết, mỗi mỗi rõ ràng, đây gọi là Như Lai tạng. Trong *kinh Lăng Già* ghi: "Như Lai tạng là nhân thiện và bất thiện chịu khổ vui, cùng với nhân hoặc sinh hoặc diệt giống như diễn viên".

7. Nhất pháp giới:

Trong đây có hai: một là Thuần bạch nhất pháp giới hai là Vô tận nhất pháp giới. Pháp giới thứ nhất như thời không kiếp, pháp

giới thứ hai như thời trụ kiếp. Trong *kinh Chân Như Pháp Giới* ghi: "Không chủng vô ngại như thời kỳ không trưởng, biến chủng vô ngại như thời kỳ hữu trưởng".

8. Ma-ha-diễn nghĩa:

Trong đây có hai: một là Nhất thể ma-ha-diễn, hai là Tự thể tự tướng tự dụng ma-ha-diễn. Rộng lớn như nói ở trước.

Trong đây có hai: một là Đẳng trụ trung thật, hai là Biệt trụ trung thật. Trung thật thứ nhất như độc minh châu, trung thật thứ hai như thuận minh châu. Trong *kinh Trung Thật* ghi: "Ly biên chân tâm, nếu chân như y như dị đồng châu, nếu sinh diệt y như đồng dị châu".

10. Nhất tâm:

Trong đây có hai: một, một là nhất nhất tâm, hai, tất cả là nhất nhất tâm. Nhất tâm thứ nhất tùy sở tác mà đặt tên, nhất tâm thứ hai tùy năng tác mà đặt tên. Trong *kinh Nhất Tâm Pháp* ghi: "Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn, giáo pháp bản địa nói rằng thể tính tâm ấy chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp, chẳng phải đồng, chẳng phải khác, chẳng phải một, chẳng phải tất cả, do nhân duyên gì mà ngày nay tự nói chân như nhất tâm nhân một nên một, sinh diệt nhất tâm do nhiều nên một, chẳng phải Thế Tôn không có lỗi bất nhất sao ? Phật nói: Này thiện nam, chớ nói như thế, vì sao ? Tâm pháp chẳng phải một, do vì tạo ra một nên tạm gọi là một. Tâm pháp chẳng phải tất cả, do vì tạo ra tất cả nên tạm gọi là tất cả. Song chỉ nói nhất tâm mà không nói tất cả tâm, vì tùy tâm năng tác mà đặt tên".

Cho nên biết rằng gọi chung nhất tâm hàm chứa nhiều nghĩa. Trong môn chân như không có tự, không có tha, trong môn sinh diệt có thiện có ác. Tùy duyên khai hiệp tuy khác mà dựa vào tính một lý không sai. Mười môn như trên nghĩa vị mới đủ. Khai thì vô lượng vô biên nghĩa làm tông, hợp thì pháp nhất tâm hai môn làm chính. Trong hai môn dung chứa muôn nghĩa mà chẳng loạn, vô biên nghĩa đồng nhất tâm mà hỗn dung. Thế nên khai hợp tự tại,

lập phá vô ngại, khai mà chẳng rối, hợp mà chẳng hẹp, lập mà không được, phá mà không mất, đây là diệu thuật của ngài Mã Minh, là tông thể của luận Khởi Tín.

Khai hợp lập phá mà chẳng rối chẳng hẹp, không được không mất, bởi chính là tâm, lìa ý chỉ này không có pháp được tạo tác. Nếu luận về chính tông chẳng phải nhiều, chẳng phải một, như *Thiên Thai Niết-bàn Sớ* ghi: "Như vậy chính nghiệp không thể nói ba, không thể nói một, nói một thì mất dụng, nói ba thì hại thể. Tức thể mà dụng, tức dụng mà thể".

Hỏi: Bảo rằng không thể nói ba, vậy tại sao nói ba, cũng không thể nói một tại sao nói một ?

Đáp: Tông chẳng phải số lượng nên chẳng phải một chẳng phải ba, nói khắp Hằng sa nên là một là ba. *Sớ* nói: "Xưa vì phá tà nên nói một là ba, ba chẳng trái với một. Nay vì phá biệt nên nói ba là một, một chẳng trái với ba. Như vậy ba một là cảnh giới chư Phật, nên nói là tức thể mà dụng một chẳng trái với ba, tức dụng mà thể ba chẳng trái với một. Thể dụng tự tại, phá lập vô ngại".
